

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 02- 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Trình.
2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số F Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình,

thụ lý số 132/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số B đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thúc Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số B đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thùy V trình bày:

Chị Lê Thị Thùy V và anh Lê Thúc Đ kết hôn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chị V, anh Đ đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là phường T), thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 08/6/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2010, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường hay chửi bới, xúc phạm chị V nên chị V phải đưa con đi nơi khác sống ly thân với anh Đ, anh Đ tìm

chị **V** và chung sống với chị **V** một thời gian, nhưng cũng không cải thiện được cuộc sống vợ chồng, hai người lại tiếp tục ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, chị **V** và anh **Đ** không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, chị **V** thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Lê Thúc Đ**.

Về con chung: Chị **Lê Thị Thùy V** và anh **Lê Thúc Đ** có 01 người con chung tên là **Lê Thị Kiều L**, sinh ngày 30/4/2009. Hiện tại, cháu **Lê Thị Kiều L** đang do anh **Lê Thúc Đ** trực tiếp nuôi dưỡng nên chị **V** yêu cầu giao cháu **L** cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), chị **V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **L** thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị **Lê Thị Thùy V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh **Lê Thúc Đ**: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh **Đ**, quá thời hạn quy định mà anh **Đ** vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiếp tục tổng đạt các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **Đ** vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Thùy V** được ly hôn với anh **Lê Thúc Đ**; giao cháu **Lê Thị Kiều L**, sinh ngày 30/4/2009 cho anh **Lê Thúc Đ** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị **V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **L** thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị **V** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con không ai được cản trở; không xem xét về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản; chị **V** phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự.

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị **Lê Thị Thùy V** và anh **Lê Thúc Đ** đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai. Chị **V** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Đ** vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Lê Thị Thùy V** và anh **Lê Thúc Đ**.

Nguyên đơn chị **Lê Thị Thùy V** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh **Lê Thúc Đ**, có nơi cư trú tại **Số B đường P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Thùy V** và anh **Lê Thúc Đ** sau khi tìm hiểu nhau, đã tự nguyện kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T (Nay là phường T), thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế** ngày 08/6/2009. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, vợ chồng chỉ sống chung một thời gian ngắn sau đó ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị **V** thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Lê Thúc Đ**. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh **Đ** đến trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh **Đ** không đến, chứng tỏ, anh **Đ** không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của chị **V**, anh **Đ** mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị Thùy V** được ly hôn với anh **Lê Thúc Đ**.

[3] Về con chung: Chị **Lê Thị Thùy V** và anh **Lê Thúc Đ** có 01 người con chung tên là **Lê Thị Kiều L**, sinh ngày 30/4/2009. Chị **V** yêu cầu giao cháu **L** cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) chị **V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **L** thành niên (Đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi chị **V** và anh **Đ** sống ly thân, cháu **Lê Thị Kiều L** do anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay, xét nguyện vọng của cháu **L** mong muốn ở với anh **Đ**. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về tinh thần và vật chất cho cháu **L** phát triển một cách bình thường và đầy đủ nên tiếp tục giao cháu **L** cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi thành niên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị Thùy V**.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị **Lê Thị Thùy V** và anh **Lê Thúc Đ** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lê Thị Thùy V** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy V được ly hôn anh Lê Thúc Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kiều L, sinh ngày 30/4/2009 cho anh Lê Thúc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi), chị Lê Thị Thùy V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 01 tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L thành niên (Đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Lê Thị Thùy V và anh Lê Thúc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thùy V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị Lê Thị Thùy V đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002784 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi Cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký kết hôn số 42, quyền số 01/2009, ngày 08/6/2009;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quý Vân